

Số: 626/QĐ-BVHL

Hoa Lư, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

v/v công bố công khai việc giao dự toán NSNN năm 2024 kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOA LƯ

Căn cứ Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND, ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Hoa Lư trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ QĐ số 2562/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế Tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán NSNN năm 2024 kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ;

Xét đề nghị của TP.Tài chính - Kế toán Bệnh viện đa khoa Hoa Lư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai dự toán giao dự toán NSNN năm 2024 kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ cụ thể như sau:

(Biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, các phòng chức năng có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.✕

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC
Tống Ngọc Tú

154



GIAM ĐỐC

Nguyễn Văn Văn

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOA LƯ

Chương: 423

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 626/QĐ-TTĐT ngày 15 tháng 01 năm 2026)

ĐVT: 1.000 đ

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Dự toán thu		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.257	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ -131		
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ -132		
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ -139		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.257	
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ -131	491	
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ -132	766	
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ -139		
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ -103		

